TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT
Ngày 03-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2022/TLPT-DS ngày 10/11/2022 về việc "tranh quyền hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 259/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thiên N, sinh năm 1992; địa chỉ: số 21/9, đường T, tổ 9, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2022).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1991; địa chỉ: số 385/54/11, tổ 7, khu phố 8, phường Phú Hòa, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn ông Trần Thiên N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đinh Thị Thanh T trình bày:

Về yêu cầu khởi kiện: do ông Trần Thiên N và ông Nguyễn Hồng T1 là bạn bè quen biết nên ông N đã cho ông T1 vay tổng số tiền: 270.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 10/6/2021, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 10/6/2021 đến ngày 10/12/2021, lãi suất 5%/tháng.

+ Ngày 29/6/2021, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 29/6/2021 đến ngày 29/12/2021, lãi suất 5%/tháng.

+ Ngày 20/01/2022, vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/3/2022, lãi suất 5%/tháng.

Ông T1 đã trả tiền lãi cho ông N từ ngày vay đến ngày 15/4/2022, sau đó ông T1 ngưng không trả tiền lãi và tiền gốc nên ông N khởi kiện ông T1 số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 15/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 27.000.000 đồng, tổng cộng là 297.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 trình bày*: ông T1 thừa nhận với phần trình bày của nguyên đơn, có vay nhiều lần của ông N là 270.000.000 đồng. Về lãi suất hàng tháng ông T1 trả đầy đủ cho ông N, tổng số tiền lãi mà ông T1 trả đến ngày 15/4/2022 là hơn 100.000.000 đồng, do ông T1 gặp khó khăn không trả được tiền gốc và tiền lãi nên ông N đã đi kiện. Nay ông T1 cũng đồng ý trả cho ông N số tiền gốc 270.000.000 đồng và xin mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, về tiền lãi 27.000.000 đồng xin nguyên đơn không tính lãi. Ngoài ra, ông T1 yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi mà ông T1 đã trả cho ông N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 09/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiên N đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Ông Nguyễn Hồng T1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Thiên N tổng số tiền là 213.877.000 đồng (hai trăm mười ba triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), trong đó: số tiền nợ gốc là 198.106.800 đồng (một trăm chín mươi tám triệu một trăm lẻ sáu nghìn tám trăm đồng) theo Hợp đồng cho vay các ngày 10/6/2021, 29/6/2021, 20/01/2022 và tiền lãi là 15.770.961 đồng (mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiên N đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 với tổng số tiền 78.018.000 đồng (bảy mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 71.893.000 đồng (bảy mươi mốt triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi 6.125.000 đồng (sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần tiền lãi bị đơn phải trả tính từ ngày 15/4/2022 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: bị đơn ông T1 cho rằng đã trả cho nguyên đơn ông N tiền lãi là hơn 100.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh; nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn với số tiền 74.000.000 đồng và cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Tòa án sửa án sơ thẩm theo hướng trừ số tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá mức quy định vào tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông Phạm Hồng Thái đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Trần Thiên N cho rằng có cho ông Nguyễn Hồng T1 vay tổng số tiền 270.000.000 đồng, gồm các ngày 10/6/2021 cho vay số tiền 100.000.000 đồng, 29/6/2021 cho vay số tiền 100.000.000 đồng, 20/01/2022 cho vay số tiền 70.000.000 đồng, với lãi suất 5%/tháng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện tại hồ sơ là các hợp đồng vay có chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết họ tên của bên vay "Nguyễn Hồng T1". Về lãi suất ông T1 đã thanh toán cho ông N từ ngày mượn đến ngày 15/4/2022 qua tài khoản ngân hàng cá nhân của ông N theo bảng sao kê số tiền là 74.000.000 đồng. Hết hạn hợp đồng cho vay ông T1 không trả tiền gốc, tiền lãi. Do đó, ông N kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi suất 27.000.000 đồng (tính từ ngày 15/4/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm).

Bị đơn ông T1 thừa nhận có vay số tiền 270.000.000 đồng, về lãi suất 02 tháng đầu ông T1 trả 7%/ tháng. Sau đó, do bị dịch Covid-19 nên ông N giảm xuống còn 5%/tháng, còn đối với hợp đồng vay ngày 20/01/2022 lãi suất 5%/tháng. Hàng tháng ông T1 trả lãi cho ông N đầy đủ tính đến ngày 15/4/2022. Nhưng sau đó, bị đơn gặp khó khăn không thanh toán được tiền gốc và tiền lãi nên nguyên đơn khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả tiền nợ gốc 270.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, hiện nay bị đơn khó khăn nên đề nghị nguyên đơn không tính lãi.

Xét thấy căn cứ vào chứng cứ và tài liệu có tại hồ sơ:

Bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 thừa nhận có vay số tiền 270.000.000 đồng của ông Trần Thiên N (thể hiện qua các hợp đồng vay tiền ngày 10/6/2021, ngày 29/6/2021, ngày 20/01/2022), lãi suất 5%/tháng.

Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng, các bên thừa nhận bị đơn ông T1 đã trả tiền lãi cho ông N khoảng trên 100.000.000 đồng (từ ngày cho vay đến ngày 15/4/2022) thì ngưng không trả lãi nữa. Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 yêu cầu Tòa án xem xét lại đối với số tiền lãi mà ông T1 đã trả cho ông N, việc bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn hơn 100.000.000đồng nhưng bị đơn không có tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình.

Đối với nguyên đơn cũng thừa nhận có bị đơn có trả tiền lãi nhưng chỉ trả 74.000.000 đồng, thanh toán bằng hình thức chuyển qua tài khoản cá nhân của nguyên đơn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Bình Dương (TPBank), chứng cứ là các tài liệu sao kê tài khoản (bút lục từ 11 đến 26) do nguyên đơn cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền và thỏa thuận lãi suất 5%/tháng thể hiện qua các hợp đồng cho vay.

Xét: việc thỏa thuận lãi suất 5%/tháng giữa ông N và ông T1 là vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS 2015 và tại điều 9 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay".

Như vậy đối với số tiền mà ông T1 đã trả lãi vượt mức lãi suất quy định cần phải trừ vào số tiền gốc của 03 khoản tiền vay ngày 10/6/2021, ngày 29/6/2021, ngày 20/01/2022 là 270.000.000 đồng thời điểm trả lãi. Áp dụng quy định trên đến ngày 15/4/2022 số tiền gốc của 03 khoản tiền vay là 270.000.000

đồng sau khi trừ số tiền trả lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định, số tiền nợ gốc ông T1 phải trả cho ông N còn lại số tiền gốc là 232.806.800 đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông N yêu cầu ông T1 trả tiền lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi ngày 16/4/2022 đến ngày xét xử phúc thẩm (03/01/2023) với mức lãi suất 20%/năm.

Xét thấy: Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn nên ngoài việc trả số tiền nợ gốc, bị đơn ông T1 còn phải trả lãi do chậm trả cho nguyên đơn.

Đối với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 20%/năm (tương ứng với 1,66%/tháng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn ông N yêu cầu tính lãi 20%/năm được tính từ ngày ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 16/4/2022 đến ngày xét xử phúc thẩm là 08 tháng 18 ngày là có căn cứ chấp nhận.

Do đó tiền lãi bị đơn ông T1 phải trả ông N được tính như sau:

232.806.800 đồng x 1,66%/tháng x 08 tháng 18 ngày = 33.235.478 đồng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thiên N.

2. Sửa bản án Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiên N đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc buộc bị đơn ông Phạm Hồng Thái phải trả cho nguyên đơn ông Trần Thiên N số tiền nợ gốc 232.806.800 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu tám trăm lẻ sáu nghìn tám trăm đồng) và tiền lãi 33.235.478 đồng (ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng), tổng cộng số tiền là: 266.042.278 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiên N đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 đối với tổng số tiền 30.957.722 đồng (ba mươi triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hồng Thái phải chịu 13.302.113 đồng (mười ba triệu ba trăm lẻ hai nghìn một trăm mười ba đồng).

Ông Trần Thiên N phải chịu 1.547.886 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi sáu nghìn), được khấu trừ vào số tiền 7.425.000 đồng (bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001601 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương, hoàn trả cho ông N số tiền 5.877.114 đồng (năm triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm mười bốn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Trần Thiên N số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông N đã nộp (bà Đinh Thị Thanh T nộp thay) theo Biên lai số 0000152 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dũng